

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,  
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

|   | <b>Trang</b> |
|---|--------------|
| BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ             | 1 – 2        |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP                 | 3 – 4        |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN |              |
| Bảng cân đối kế toán                      | 5 – 6        |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh      | 7            |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ                | 8 – 9        |
| Thuyết minh báo cáo tài chính             | 10 – 42      |

1235  
ÔN  
TP  
TOÁN  
MỸ  
T.F

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u>            | <u>Chức vụ</u>                             |
|-----------------------|--|
| Ông Trần Anh Tuấn     | Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 12/03/2019)        |
| Ông Nguyễn Đức Quang  | Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 12/03/2019)      |
| Ông Trần Tuyên Đức    | Phó Chủ tịch                               |
| Ông Hoàng Hải Thịnh   | Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 12/03/2019) |
| Ông Đỗ Văn Hào        | Thành viên                                 |
| Ông Lê Hồng Phong     | Thành viên                                 |
| Ông Nguyễn Việt Thắng | Thành viên                                 |

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u>              | <u>Chức vụ</u> |
|-------------------------|----------------|
| Bà Mai Thị Thúy Mai     | Trưởng ban     |
| Bà Nguyễn Thị Minh Huân | Thành viên     |
| Bà Nguyễn Thị Thu Hiền  | Thành viên     |

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

| <u>Tên</u>             | <u>Chức vụ</u>   |
|------------------------|--|
| Ông Lê Hồng Phong      | Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm chức danh Tổng Giám đốc và miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc ngày 12/03/2019) |
| Ông Trần Anh Tuấn      | Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 12/03/2019)   |
| Ông Hoàng Hải Thịnh    | Phó Tổng Giám đốc  |
| Ông Lê Quốc Khánh      | Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 27/04/2018)   |
| Ông Nguyễn Việt Thắng  | Phó Tổng Giám đốc  |
| Ông Nguyễn Xuân Trường | Phó Tổng Giám đốc  |
| Ông Nguyễn Hồng Minh   | Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 26/02/2018)   |
| Ông Nguyễn Xuân Quang  | Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 27/04/2018)   |
| Ông Phan Việt Linh     | Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 27/04/2018)   |

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Hội đồng quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Hội đồng quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Hội đồng quản trị Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị,



Trần Anh Tuấn

Chủ tịch Hội đồng quản trị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2019

Số: 19.291/BCKT-RSM HCM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU**

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 03 năm 2019 từ trang 05 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính

***Trách nhiệm của Hội đồng quản trị***

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



**Lục Thị Vân**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0172-2018-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2019

**Nguyễn Vĩnh Thụy**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
3590-2016-026-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN                                      | Mã số      | TM   | Tại ngày 31/12/2018    | Tại ngày 01/01/2018    |
|--|------------|------|------------------------|------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>100</b> |      | <b>557.186.892.203</b> | <b>587.044.373.678</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b> | 4.1  | <b>26.180.754.242</b>  | <b>42.293.895.367</b>  |
| 1. Tiền                                      | 111        |      | 26.180.754.242         | 33.224.381.478         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                | 112        |      | -                      | 9.069.513.889          |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         | <b>120</b> |      | <b>13.000.000.000</b>  | -                      |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                    | 121        | 4.2  | 13.000.000.000         | -                      |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      | <b>130</b> |      | <b>435.184.931.296</b> | <b>498.494.195.260</b> |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131        | 4.3  | 344.187.737.372        | 412.175.831.877        |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132        | 4.4  | 11.489.157.327         | 9.091.109.508          |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn              | 135        |      | 1.395.000.000          | -                      |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác                    | 136        | 4.5  | 80.620.499.233         | 79.734.716.511         |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        | 137        |      | (2.507.462.636)        | (2.507.462.636)        |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | <b>140</b> | 4.6  | <b>81.539.288.418</b>  | <b>46.129.582.025</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                              | 141        |      | 81.546.726.216         | 46.137.019.823         |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho            | 149        |      | (7.437.798)            | (7.437.798)            |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>150</b> |      | <b>1.281.918.246</b>   | <b>126.701.026</b>     |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 151        |      | 231.968.202            | 126.701.026            |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ                   | 152        |      | 22.084.079             | -                      |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước  | 153        | 4.14 | 1.027.865.965          | -                      |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                    | <b>200</b> |      | <b>117.885.755.119</b> | <b>71.917.395.751</b>  |
| <b>I. Tài sản cố định</b>                    | <b>220</b> |      | <b>26.837.789.027</b>  | <b>30.574.939.243</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                  | 221        | 4.7  | 16.527.561.322         | 22.907.056.800         |
| Nguyên giá                                   | 222        |      | 65.931.683.179         | 64.001.339.182         |
| Giá trị hao mòn lũy kế                       | 223        |      | (49.404.121.857)       | (41.094.282.382)       |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính            | 224        | 4.8  | 10.257.870.024         | 7.621.735.220          |
| Nguyên giá                                   | 225        |      | 13.935.461.726         | 7.839.499.083          |
| Giá trị hao mòn lũy kế                       | 226        |      | (3.677.591.702)        | (217.763.863)          |
| 3. Tài sản cố định vô hình                   | 227        | 4.9  | 52.357.681             | 46.147.223             |
| Nguyên giá                                   | 228        |      | 1.344.773.454          | 1.288.773.454          |
| Giá trị hao mòn lũy kế                       | 229        |      | (1.292.415.773)        | (1.242.626.231)        |
| <b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>           | <b>240</b> |      | <b>27.341.372.479</b>  | <b>45.612.757</b>      |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang           | 242        | 4.10 | 27.341.372.479         | 45.612.757             |
| <b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>         | <b>250</b> | 4.2  | <b>46.329.764.341</b>  | <b>26.559.143.405</b>  |
| 1. Đầu tư vào công ty con                    | 251        |      | 55.050.000.000         | 33.200.000.000         |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết   | 252        |      | 5.860.000.000          | -                      |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác            | 253        |      | 315.000.000            | -                      |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn         | 254        |      | (14.895.235.659)       | (6.640.856.595)        |
| <b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>              | <b>260</b> |      | <b>17.376.829.272</b>  | <b>14.737.700.346</b>  |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                 | 261        | 4.11 | 17.286.343.788         | 14.548.937.012         |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại            | 262        |      | 90.485.484             | 188.763.334            |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                     | <b>270</b> |      | <b>675.072.647.322</b> | <b>658.961.769.429</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 01- DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN                               | Mã số      | TM     | Tại ngày<br>31/12/2018 | Tại ngày<br>01/01/2018 |
|---|------------|--------|------------------------|------------------------|
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                   | <b>300</b> |        | <b>548.349.433.097</b> | <b>534.844.446.923</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                   | <b>310</b> |        | <b>544.344.920.529</b> | <b>530.886.005.264</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn          | 311        | 4.12   | 212.650.446.166        | 200.869.530.013        |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn    | 312        | 4.13   | 20.111.947.325         | 17.658.777.124         |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước  | 313        | 4.14   | 5.572.188.674          | 23.163.371.793         |
| 4. Phải trả người lao động              | 314        | 4.15   | 3.211.035.611          | 6.830.220.835          |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn            | 315        | 4.16   | 1.765.560.952          | 6.608.956.925          |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn    | 318        | 4.17   | 3.968.610.749          | 4.460.000.000          |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác               | 319        | 4.18   | 4.123.366.373          | 7.314.254.664          |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn    | 320        | 4.19   | 292.941.764.679        | 263.980.893.910        |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                   | <b>330</b> |        | <b>4.004.512.568</b>   | <b>3.958.441.659</b>   |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn     | 338        | 4.19   | 4.004.512.568          | 3.958.441.659          |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                | <b>400</b> |        | <b>126.723.214.225</b> | <b>124.117.322.506</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                | <b>410</b> | 4.20.1 | <b>126.723.214.225</b> | <b>124.117.322.506</b> |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu            | 411        | 4.20.2 | 98.999.060.000         | 90.000.000.000         |
| Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết  | 411a       |        | 98.999.060.000         | 90.000.000.000         |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển                | 418        |        | 3.440.139.770          | 1.013.725.739          |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối    | 421        |        | 24.284.014.455         | 33.103.596.767         |
| LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước | 421a       |        | 12.104.536.767         | 9.553.637.346          |
| LNST chưa phân phối kỳ này              | 421b       |        | 12.179.477.688         | 23.549.959.421         |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>              | <b>440</b> |        | <b>675.072.647.322</b> | <b>658.961.769.429</b> |



**Trần Anh Tuấn**  
 Chủ tịch Hội đồng quản trị  
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2018

**Bùi Thị Thúy Hồng**  
 Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Thu Hiền**  
 Người lập



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | TM  | Năm 2018              | Năm 2017              |
|--|-------|-----|-----------------------|-----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | 5.1 | 863.911.217.895       | 901.746.490.595       |
| 2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    |     | 863.911.217.895       | 901.746.490.595       |
| 3. Giá vốn hàng bán                                | 11    | 5.2 | 776.593.428.541       | 781.389.672.804       |
| 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |     | 87.317.789.354        | 120.356.817.791       |
| 5. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | 5.3 | 9.840.910.391         | 6.595.272.807         |
| 6. Chi phí tài chính                               | 22    | 5.4 | 28.951.058.262        | 18.734.389.760        |
| <i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>                   | 23    |     | <i>19.507.541.124</i> | <i>16.078.673.471</i> |
| 7. Chi phí bán hàng                                | 25    | 5.5 | 13.910.258.117        | 32.786.467.148        |
| 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | 5.6 | 52.163.530.321        | 59.341.881.316        |
| 9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh         | 30    |     | 2.133.853.045         | 16.089.352.374        |
| 10. Thu nhập khác                                  | 31    | 5.7 | 11.789.828.551        | 10.900.254.639        |
| 11. Chi phí khác                                   | 32    |     | 1.133.159.497         | 1.037.296.663         |
| 12. Lợi nhuận khác                                 | 40    |     | 10.656.669.054        | 9.862.957.976         |
| 13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |     | 12.790.522.099        | 25.952.310.350        |
| 14. Chi phí thuế TNDN hiện hành                    | 51    | 5.9 | 512.766.565           | 2.402.350.929         |
| 15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại                     | 52    |     | 98.277.847            | -                     |
| 16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |     | 12.179.477.688        | 23.549.959.421        |



**Trần Anh Tuấn**  
 Chủ tịch Hội đồng quản trị  
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2018

**Bùi Thị Thúy Hồng**  
 Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Thu Hiền**  
 Người lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số | TM   | Năm 2018                | Năm 2017                |
|--|-------|------|-------------------------|-------------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>  |       |      |                         |                         |
| 1. Lợi nhuận trước thuế  | 01    |      | 12.790.522.099          | 25.952.310.350          |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:   |       |      |                         |                         |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT   | 02    | 5.8  | 11.955.040.148          | 10.963.949.997          |
| Các khoản dự phòng   | 03    |      | 8.254.379.064           | (1.741.155.658)         |
| Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ       | 04    | 5.3  | (256.714.315)           | (109.160.664)           |
| Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư  | 05    |      | (9.163.720.791)         | (1.752.575.037)         |
| Chi phí lãi vay  | 06    | 5.4  | 19.507.541.124          | 16.078.673.471          |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động                         | 08    |      | <b>43.087.047.330</b>   | <b>49.392.042.460</b>   |
| Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09    |      | 65.668.230.819          | (175.013.836.880)       |
| Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10    |      | (35.409.706.393)        | 126.966.901.309         |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11    |      | (14.070.669.341)        | (28.874.212.374)        |
| Tăng giảm chi phí trả trước  | 12    |      | (2.842.673.952)         | (3.374.734.288)         |
| Tăng giảm chứng khoán kinh doanh   | 13    |      | (13.000.000.000)        | -                       |
| Tiền lãi vay đã trả  | 14    |      | (19.507.541.124)        | (16.105.670.407)        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15    | 4.14 | (2.700.000.000)         | (1.000.000.000)         |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh  | 17    |      | (573.585.969)           | -                       |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh  | 20    |      | <b>20.651.101.370</b>   | <b>(48.009.510.180)</b> |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>   |       |      |                         |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                              | 21    |      | (41.780.717.554)        | (22.028.007.248)        |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                           | 22    |      | 6.078.716.568           | 7.827.297.863           |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác                                    | 23    |      | (1.395.000.000)         | -                       |
| 4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 25    |      | (29.175.000.000)        | (9.100.000.000)         |
| 5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   | 26    |      | 1.150.000.000           | 100.000.000             |
| 6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia   | 27    |      | 7.338.155.223           | 1.656.392.607           |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư  | 30    |      | <b>(57.783.845.763)</b> | <b>(21.544.316.778)</b> |

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | TM  | Năm 2018                | Năm 2017               |
|--|-----------|-----|-------------------------|------------------------|
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>             |           |     |                         |                        |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31        |     | -                       | 2.574.640.000          |
| 2. Tiền thu từ đi vay  | 33        | 6.1 | 701.788.585.363         | 622.923.019.777        |
| 3. Tiền trả nợ gốc vay   | 34        | 6.2 | (665.959.928.839)       | (547.958.199.112)      |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính                          | 35        |     | (6.821.714.846)         | -                      |
| 5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu                         | 36        |     | (7.957.296.125)         | (12.035.507.275)       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>            | <b>40</b> |     | <b>21.049.645.553</b>   | <b>65.503.953.390</b>  |
| <b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM</b>                              | <b>50</b> |     | <b>(16.083.098.840)</b> | <b>(4.049.873.568)</b> |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm                               | 60        |     | 42.293.895.367          | 46.285.928.094         |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ        | 61        |     | (30.042.285)            | 57.840.841             |
| <b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>                       | <b>70</b> | 4.1 | <b>26.180.754.242</b>   | <b>42.293.895.367</b>  |



Trần Anh Tuấn  
 Chủ tịch Hội đồng quản trị  
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2018

Bùi Thị Thúy Hồng  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hiền  
 Người lập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Điện – Điện tử – Tin học Sao Bắc Đầu. Ngày 30 tháng 08 năm 2007, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103002093 ngày 11 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 19 tháng 03 năm 2019.

Ngày 11 tháng 12 năm 2007, Công ty đã đăng ký là Công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tại ngày 31 tháng 10 năm 2016, Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam chứng nhận Công ty đã đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 131/2016/GCNCP-VSD vào ngày 31 tháng 10 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 98.999.060.000 đồng, được chi tiết như sau:

| Nhà đầu tư           | Quốc gia/<br>Quốc tịch | Tại ngày 31/12/2018   |               | Tại ngày 01/01/2018   |               |
|----------------------|------------------------|-----------------------|---------------|-----------------------|---------------|
|                      |                        | Giá trị<br>(VND)      | Tỷ lệ<br>(%)  | Giá trị<br>(VND)      | Tỷ lệ<br>(%)  |
| Ông Nguyễn Đức Quang | Việt Nam               | 18.878.930.000        | 19,07         | 17.162.670.000        | 19,07         |
| Cổ đông khác         | Việt Nam               | 80.120.130.000        | 80,93         | 72.837.330.000        | 80,93         |
| <b>Cộng</b>          |                        | <b>98.999.060.000</b> | <b>100,00</b> | <b>90.000.000.000</b> | <b>100,00</b> |

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 134 (31/12/2017: 194).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh tích hợp hệ thống công nghệ thông tin.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa sản phẩm điện, điện tử, tin học (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện, sản phẩm tin học, thiết bị văn phòng, dây cáp điện, các loại đầu nối, linh kiện điện tử. Đại lý ký gửi hàng hóa. Môi giới thương mại. Dịch vụ cho thuê máy văn phòng. Mua bán điện thoại các loại, máy fax, tổng đài PABX (tới 32 số). Mua bán, lắp đặt và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học – mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị ngành bưu chính viễn thông – mạng viễn thông; mua bán, sản xuất vật tư ngành bưu chính viễn thông; đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang Web. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet. Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp Internet tại trụ sở). Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông. Cho thuê văn phòng. Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Tư vấn về chuyển giao công nghệ. Đào tạo nghề. Mua bán phần mềm, máy móc, thiết bị cho ngành phát thanh và truyền hình. Sản xuất, mua bán và phát hành phim, băng đĩa có nội dung được

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

phép lưu hành (không mua bán bằng đĩa tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Đại lý bán vé máy bay. Thiết kế hệ thống mạng vi tính (thiết kế, tạo lập trang chủ Internet, thiết kế hệ thống mạng máy tính tích hợp phần cứng phần mềm và với các công nghệ truyền thông). Dịch vụ khoa học thuật: tích hợp hệ thống, chuyển giao công nghệ thông tin.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết như sau:

| STT                 | Tên  | Địa chỉ  | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích |
|---------------------|--|--|------------------------|---------------|---------------|
| <b>Công ty con:</b> |  |  |                        |               |               |
| 1.                  | Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Sao Bắc Đầu            | Gian hàng số T3-B4L, Tầng hầm, Tòa nhà Topaz, Số 92 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh | 71%                    | 71%           | 71%           |
| 2.                  | Công ty Cổ phần Công nghệ Số Sao Bắc Đầu                 | Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 07, Thành phố Hồ Chí Minh         | 73%                    | 73%           | 73%           |
| 3.                  | Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn Thông Sao Bắc Đầu           | Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam      | 60%                    | 60%           | 60%           |
| 4.                  | Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam           | Phòng 26, nhà 8, Đường số 3, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh     | 61%                    | 61%           | 61%           |
| 5.                  | Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu          | Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam      | 90%                    | 90%           | 90%           |
| 6.                  | Công ty Cổ phần Công nghệ Cao Sao Bắc Đầu                | Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam      | 90%                    | 97,83%        | 97,83%        |
| 7.                  | Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Kỹ thuật Sao Bắc Đầu | Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam      | 100%                   | 100%          | 100%          |

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****1.5. Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

| STT                                  | Tên   | Địa chỉ  | Tỷ lệ quyền biểu quyết | Tỷ lệ vốn góp | Tỷ lệ lợi ích |
|--------------------------------------|---|--|------------------------|---------------|---------------|
| <b>Công ty liên doanh, liên kết:</b> |   |  |                        |               |               |
| 1.                                   | Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas                | 61C Tú Xương, Phường 07, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam                         | 20%                    | 46,56%        | 46,56%        |
| 2.                                   | Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT            | 585/6 Sư Vạn Hạnh, Phường 13, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam                         | 22,27%                 | 28,82%        | 28,82%        |
| 3.                                   | Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH            | Phòng 701 Tầng 7, 45 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam | 30%                    | 68,75%        | 68,75%        |
| 4.                                   | Công ty Cổ phần sách và Học liệu Điện tử Pharos | Số 54a ngõ 218 đường Lạc Long Quân, Phường Bưởi, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 20%                    | 4,50%         | 4,50%         |

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2018 gồm:

| STT | Tên                   | Địa chỉ  |
|-----|-----------------------|--|
| 1.  | Chi nhánh tại Hà Nội  | Tầng 3, CT1AB, Khu đô thị VOV Mỹ Trì - Phường Mỹ Trì - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội, Việt Nam |
| 2.  | Chi nhánh tại Đà Nẵng | Số 02 Quang Trung, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam          |

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

#### **3.1. Ngoại tệ**

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

#### **3.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

#### **3.4. Đầu tư tài chính**

##### ***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm: Giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

##### ***Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác***

###### ***Đầu tư vào công ty con***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

### **3.4. Đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

#### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

#### *Đầu tư khác*

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

### **Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính**

#### **Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

### **3.5. Nợ phải thu**

#### *Nguyên tắc ghi nhận*

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

#### *Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi*

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

### **3.6. Hàng tồn kho**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### ***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### ***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với [hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

### **3.7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### ***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

#### ***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

### **3.7. Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

|                                  | <b><u>Năm 2018</u></b> |
|----------------------------------|------------------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc         | 15 năm                 |
| ▪ Máy móc thiết bị               | 3 – 5 năm              |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 6 năm                  |

### **3.8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### ***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

#### ***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

##### ***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

### **3.9. Thuê tài sản**

#### ***Phân loại thuê tài sản***

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

#### ***Thuê tài chính***

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc theo thời hạn thuê. Thời gian khấu hao ước tính cho máy móc thiết bị là 3 năm.

### **3.10. Cho thuê tài sản**

#### ***Cho thuê hoạt động***

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

### **3.10. Cho thuê tài sản (Tiếp theo)**

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong Kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

### **3.11. Chi phí xây dựng dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### **3.12. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

### **3.13. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

### **3.14. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

### **3.15. Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

### **3.16. Nguồn vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

#### ***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

#### ***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

#### ***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### **3.17. Doanh thu, thu nhập khác**

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

### **3.18. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

### **3.19. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, lỗ tỷ giá hối đoái.

### **3.20. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng như các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

### **3.21. Thuế**

#### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

##### ***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành như sau:

- Thuế suất 10% đối với hoạt động được hưởng ưu đãi;
- Thuế suất 20% đối với hoạt động không ưu đãi.

##### ***Chi phí thuế TNDN hoãn lại***

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch;
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

### **3.21. Thuế (Tiếp theo)**

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### *Ưu đãi, miễn giảm thuế*

Công ty được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ số 60/ĐK-DNKHCN vào ngày 31/07/2018 từ Sở Khoa học và Công nghệ TP. Hồ Chí Minh. Theo đó, Công ty được công nhận danh mục 16 sản phẩm hàng hóa hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ.

Căn cứ theo Thông tư liên tịch số 17/2012/TTLT-BKHCN-BTC-BNV ngày 10/09/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ về doanh nghiệp Khoa học và công nghệ, Công ty được ưu đãi như sau:

- Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm kể từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu từ hoạt động khoa học và công nghệ (năm 2011);
- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế (năm 2011).

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Phần mềm tin học: không chịu thuế;
- Hàng hóa: 10%;
- Dịch vụ cho thuê và các dịch vụ khác: 10%.

#### *Các loại thuế khác*

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### **3.22. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,  
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                                 | Tại ngày<br>31/12/2018<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2018<br>VND |
|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt                        | 7.394.496.352                 | 165.256.204                   |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 18.786.257.890                | 33.059.125.274                |
| Các khoản tương đương tiền      | -                             | 9.069.513.889                 |
| <b>Cộng</b>                     | <b>26.180.754.242</b>         | <b>42.293.895.367</b>         |

*(Xem tiếp trang sau)*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

#### 4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh là khoản đầu tư trái phiếu vào Công ty TNHH Một thành viên Yamagata với số lượng 130.000 trái phiếu, mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu. Các trái phiếu này đã được chuyển nhượng toàn bộ cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBS) vào ngày 28/01/2019.

Các khoản đầu tư vào công ty con được chi tiết như sau:

|  | Tại ngày 31/12/2018   |                         | Tại ngày 01/01/2018   |                        |
|--|-----------------------|-------------------------|-----------------------|------------------------|
|  | Giá gốc               | Giá trị hợp lý<br>VND   | Giá gốc               | Giá trị hợp lý<br>VND  |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu            | 12.650.000.000        | -                       | 13.800.000.000        | -                      |
| Công ty Cổ phần Công Nghệ Số Sao Bắc Đầu                 | 7.300.000.000         | (8.690.641.654)         | 7.300.000.000         | (5.581.937.682)        |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn Thông Sao Bắc Đầu           | 6.000.000.000         | (964.399.074)           | 6.000.000.000         | (1.058.918.913)        |
| Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam           | 6.100.000.000         | -                       | 6.100.000.000         | -                      |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu          | 9.000.000.000         | -                       | -                     | -                      |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Cao Sao Bắc Đầu                | 9.000.000.000         | (2.320.256.447)         | -                     | -                      |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Kỹ thuật Sao Bắc Đầu | 5.000.000.000         | (2.919.938.484)         | -                     | -                      |
| <b>Cộng</b>  | <b>55.050.000.000</b> | <b>(14.895.235.659)</b> | <b>33.200.000.000</b> | <b>(6.640.856.595)</b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU**

Địa chỉ: Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.2. Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Đầu tư vào liên doanh, liên kết được chi tiết như sau:

|   | Tại ngày 31/12/2018  |                       | Tại ngày 01/01/2018 |                       |
|---|----------------------|-----------------------|---------------------|-----------------------|
|   | Giá gốc              | Giá trị hợp lý<br>VND | Giá gốc             | Giá trị hợp lý<br>VND |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:        |                      |                       |                     |                       |
| Công ty Cổ Phần Công Nghệ Mideas                | 2.400.000.000        | -                     | -                   | -                     |
| Công ty TNHH giải pháp công nghệ DCT            | 1.960.000.000        | -                     | -                   | -                     |
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH            | 1.100.000.000        | -                     | -                   | -                     |
| Công ty Cổ phần Sách và Học liệu điện tử Pharos | 400.000.000          | -                     | -                   | -                     |
| <b>Cộng</b>                                     | <b>5.860.000.000</b> |                       |                     |                       |
| Đầu tư vào đơn vị khác:                         |                      |                       |                     |                       |
| Công ty Cổ phần Công Nghệ Số Thông Minh         | 315.000.000          | -                     | -                   | -                     |
| <b>Cộng</b>                                     | <b>315.000.000</b>   |                       |                     |                       |

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU**

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

|  | Tại ngày<br>31/12/2018<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2018<br>VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải thu khách hàng là các bên có liên quan – xem thêm mục 7 | 112.749.227.078               | 38.670.925.172                |
| Phải thu từ khách hàng:                                      |                               |                               |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả                                | 72.446.232.597                | 160.539.854.458               |
| Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng trụ sở Bộ Ngoại giao       | 36.203.153.580                | 36.203.153.580                |
| Tập đoàn Công Nghiệp - Viễn Thông Quân Đội                   | 11.071.549.500                | 32.455.399.350                |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội                              | 9.120.862.000                 | -                             |
| Cảng Hàng Không Quốc Tế Nội Bài - Chi Nhánh Tổng             |                               |                               |
| Công ty Cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP                      | 8.992.280.273                 | -                             |
| Các khách hàng khác  | 93.604.432.344                | 144.306.499.317               |
| <b>Cộng</b>  | <b>344.187.737.372</b>        | <b>412.175.831.877</b>        |

**4.4. Trả trước cho người bán**

|  | Tại ngày<br>31/12/2018<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2018<br>VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải thu khách hàng là các bên có liên quan – xem thêm mục 7 | 64.046.322                    | 178.937.602                   |
| Trả trước cho người bán:                                     |                               |                               |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Bồ Câu                               | 2.166.893.244                 | -                             |
| ler Pte Ltd  | 1.519.927.804                 | -                             |
| Công ty Cổ phần Phát triển Phần mềm và Hỗ trợ Công nghệ      | 1.166.079.956                 | 1.299.528.656                 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển công nghệ Trí Nam          | -                             | 2.065.566.640                 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hải Thạch                    | 106.054.214                   | 1.627.534.977                 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Và Phát triển Hưng Phát               | 28.162.216                    | 1.498.170.984                 |
| Các nhà cung cấp khác  | 6.437.993.571                 | 2.421.370.649                 |
| <b>Cộng</b>  | <b>11.489.157.327</b>         | <b>9.091.109.508</b>          |

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU**

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.5. Phải thu ngắn hạn khác**

|  | Tại ngày 31/12/2018<br>VND |          | Tại ngày 01/01/2018<br>VND |          |
|--|----------------------------|----------|----------------------------|----------|
|  | Giá trị                    | Dự phòng | Giá trị                    | Dự phòng |
| Phải thu về tạm ứng  | 1.028.067.668              | -        | 3.595.356.283              | -        |
| Ký cược, ký quỹ  | 69.924.194.068             | -        | 67.854.442.352             | -        |
| Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia – Xem thêm mục 7 | 6.440.810.138              | -        | 4.426.667.000              | -        |
| Phải thu khác  | 3.227.427.359              | -        | 3.858.250.876              | -        |
| <b>Cộng</b>  | <b>80.620.499.233</b>      | <b>-</b> | <b>79.734.716.511</b>      | <b>-</b> |

**4.6. Hàng tồn kho**

|                                     | Tại ngày 31/12/2018<br>VND |                    | Tại ngày 01/01/2018<br>VND |                    |
|-------------------------------------|----------------------------|--------------------|----------------------------|--------------------|
|                                     | Giá gốc                    | Dự phòng           | Giá gốc                    | Dự phòng           |
| Hàng đang đi trên đường             | 4.391.532.578              | -                  | 7.301.124.984              | -                  |
| Hàng tại kho Công ty                | 5.582.441.815              | (7.437.798)        | 3.203.152.532              | (7.437.798)        |
| Hàng đã xuất kho triển khai         | 58.439.743.397             | -                  | 22.735.345.978             | -                  |
| Kho theo dõi hàng cho thuê          | 54.393.175                 | -                  | 54.393.175                 | -                  |
| Kho theo dõi hàng Hà Nội            | 768.950.544                | -                  | 632.211.057                | -                  |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 12.309.664.707             | -                  | 12.210.792.097             | -                  |
| <b>Cộng</b>                         | <b>81.546.726.216</b>      | <b>(7.437.798)</b> | <b>46.137.019.823</b>      | <b>(7.437.798)</b> |

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU**

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

| Khoản mục                  | Nhà cửa, vật kiến trúc<br>VND | Máy móc, thiết bị<br>VND | Phương tiện vận tải<br>VND | Cộng<br>VND           |
|----------------------------|-------------------------------|--------------------------|----------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá:                |                               |                          |                            |                       |
| Tại ngày 01/01/2018        | 15.138.594.055                | 45.935.011.017           | 2.927.734.110              | 64.001.339.182        |
| Mua trong năm              | 1.285.911.600                 | 7.047.083.589            | -                          | 8.332.995.189         |
| Thanh lý, nhượng bán       | -                             | (6.402.651.192)          | -                          | (6.402.651.192)       |
| <b>Tại ngày 31/12/2018</b> | <b>16.424.505.655</b>         | <b>46.579.443.414</b>    | <b>2.927.734.110</b>       | <b>65.931.683.179</b> |
| Giá trị hao mòn lũy kế:    |                               |                          |                            |                       |
| Tại ngày 01/01/2018        | 6.524.850.251                 | 33.108.065.099           | 1.461.367.032              | 41.094.282.382        |
| Khấu hao trong năm         | 1.114.705.024                 | 6.935.849.555            | 394.868.188                | 8.445.422.767         |
| Thanh lý, nhượng bán       | -                             | (135.583.292)            | -                          | (135.583.292)         |
| <b>Tại ngày 31/12/2018</b> | <b>7.639.555.275</b>          | <b>39.908.331.362</b>    | <b>1.856.235.220</b>       | <b>49.404.121.857</b> |
| Giá trị còn lại:           |                               |                          |                            |                       |
| Tại ngày 01/01/2018        | 8.613.743.804                 | 12.826.945.918           | 1.466.367.078              | 22.907.056.800        |
| <b>Tại ngày 31/12/2018</b> | <b>8.784.950.380</b>          | <b>6.671.112.052</b>     | <b>1.071.498.890</b>       | <b>16.527.561.322</b> |

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 8.784.950.380 đồng – Xem thêm mục 4.19.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 18.588.986.763 VND.

**4.8. Tài sản cố định thuê tài chính**

| Máy móc, thiết bị      | Tại ngày 01/01/2018<br>VND | Tăng<br>VND     | Giảm<br>VND | Tại ngày 31/12/2018<br>VND |
|------------------------|----------------------------|-----------------|-------------|----------------------------|
| Nguyên giá             | 7.839.499.083              | 6.095.962.643   | -           | 13.935.461.726             |
| Giá trị hao mòn lũy kế | (217.763.863)              | (3.459.827.839) | -           | (3.677.591.702)            |
| <b>Giá trị còn lại</b> | <b>7.621.735.220</b>       |                 |             | <b>10.257.870.024</b>      |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

| Phần mềm máy vi tính   | Tại ngày<br>01/01/2018<br>VND | Tăng<br>VND  | Giảm<br>VND | Tại ngày<br>31/12/2018<br>VND |
|------------------------|-------------------------------|--------------|-------------|-------------------------------|
| Nguyên giá             | 1.288.773.454                 | 56.000.000   | -           | 1.344.773.454                 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | (1.242.626.231)               | (49.789.542) | -           | (1.292.415.773)               |
| <b>Giá trị còn lại</b> | <b>46.147.223</b>             |              |             | <b>52.357.681</b>             |

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.201.814.640 VND.

**4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

|                             | Tại ngày<br>31/12/2018<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2018<br>VND |
|-----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Công trình văn phòng Hà Nội | 27.079.955.621                | 45.612.757                    |
| Mua sắm tài sản cố định     | 261.416.858                   | -                             |
| <b>Cộng</b>                 | <b>27.341.372.479</b>         | <b>45.612.757</b>             |

**4.11. Chi phí trả trước dài hạn**

|                                      | Tại ngày<br>31/12/2018<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2018<br>VND |
|--------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Quyền sử dụng đất                    | 7.940.892.634                 | 8.317.535.762                 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ | 4.678.726.448                 | 1.564.676.544                 |
| Khác                                 | 4.666.724.706                 | 4.666.724.706                 |
| <b>Cộng</b>                          | <b>17.286.343.788</b>         | <b>14.548.937.012</b>         |

Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất tại Lô U.14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh đã dùng thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn là 7.940.892.634 đồng – Xem thêm mục 4.19.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU**

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

|   | Tại ngày 31/12/2018    |                              | Tại ngày 01/01/2018    |                              |
|---|------------------------|------------------------------|------------------------|------------------------------|
|   | Giá trị                | Số có khả năng trả nợ<br>VND | Giá trị                | Số có khả năng trả nợ<br>VND |
| Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 7                                 | 12.286.353.475         | 12.286.353.475               | 334.662.969            | 334.662.969                  |
| Phải trả cho người bán:   |                        |                              |                        |                              |
| Polaris Technologic Pty Ltd   | 59.643.750.506         | 59.643.750.506               | 3.416.504.000          | 3.416.504.000                |
| Công ty Cổ phần Công nghệ ELITE   | 21.350.212.471         | 21.350.212.471               | 2.030.098.140          | 2.030.098.140                |
| Công ty TNHH Azbil Việt nam   | 15.347.232.962         | 15.347.232.962               | 15.347.232.962         | 15.347.232.962               |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển công nghệ Trí Nam Cisco International Limited | 14.150.660.800         | 14.150.660.800               | -                      | -                            |
| Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ A1 Specialised Products (Western) Ltd | 13.365.690.272         | 13.365.690.272               | 12.338.218.637         | 12.338.218.637               |
| Công ty TNHH Kỹ thuật Tự động Cửu Long Blue Sky Solutions                       | 8.842.624.087          | 8.842.624.087                | 32.765.508.708         | 32.765.508.708               |
| Global Trading Co., Ltd   | -                      | -                            | 42.598.393.781         | 42.598.393.781               |
|   | -                      | -                            | 12.571.383.499         | 12.571.383.499               |
|   | 3.319.793.717          | 3.319.793.717                | 12.565.697.702         | 12.565.697.702               |
| Phải trả cho các đối tượng khác   | 64.344.127.876         | 64.344.127.876               | 66.901.829.615         | 66.901.829.615               |
| <b>Cộng</b>   | <b>212.650.446.166</b> | <b>212.650.446.166</b>       | <b>200.869.530.013</b> | <b>200.869.530.013</b>       |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU**

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,  
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

|   | <b>Tại ngày<br/>31/12/2018<br/>VND</b> | <b>Tại ngày<br/>01/01/2018<br/>VND</b> |
|---|--|--|
| Công ty Quản lý Bay Miền Nam - Chi Nhánh Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam - Công ty TNHH | 3.922.882.946                          | -                                      |
| Ngân hàng TMCP Nam Á  | 3.168.206.000                          | 9.542.618.000                          |
| Công ty Quản lý Bay Miền Bắc - Chi Nhánh Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam - Công ty TNHH | 2.660.058.230                          | -                                      |
| Công ty Cổ phần Giải Trí Và Thể thao Điện tử Việt Nam                                     | 858.818.326                            | 2.112.161.834                          |
| Công ty TNHH Liên Doanh Sun Ivy   | -                                      | 1.030.119.552                          |
| Các đối tượng khác  | 9.501.981.823                          | 4.973.877.738                          |
| <b>Cộng</b>   | <b>20.111.947.325</b>                  | <b>17.658.777.124</b>                  |

(Xem tiếp trang sau)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 4.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

|                            | Tại ngày 01/01/2018 |                       | Trong năm              |                        | Tại ngày 31/12/2018  |                      |
|----------------------------|---------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|----------------------|----------------------|
|                            | Phải thu            | Phải nộp              | Phải nộp               | Đã nộp/Khấu trừ        | Phải thu             | Phải nộp             |
| Thuế giá trị gia tăng      | -                   | 17.343.100.691        | 289.385.258.905        | 304.799.315.659        | -                    | 1.929.043.937        |
| Thuế xuất, nhập khẩu       | -                   | -                     | 26.141.342.856         | 26.141.342.856         | -                    | -                    |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | -                   | 1.159.367.470         | 512.766.565            | 2.700.000.000          | 1.027.865.965        | -                    |
| Thuế thu nhập cá nhân      | -                   | 1.133.042.339         | 2.243.645.557          | 2.921.450.742          | -                    | 455.237.154          |
| Các loại thuế khác         | -                   | 3.527.861.293         | 5.201.584.294          | 5.541.538.004          | -                    | 3.187.907.583        |
| <b>Cộng</b>                | <b>-</b>            | <b>23.163.371.793</b> | <b>323.484.598.177</b> | <b>342.103.647.261</b> | <b>1.027.865.965</b> | <b>5.572.188.674</b> |

## 4.15. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 13 và lương bổ sung năm 2018 còn phải trả cho người lao động.

## 4.16. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là chi phí trích trước tương ứng với doanh thu cung cấp dịch vụ đã thực hiện.

## 4.17. Doanh thu chưa thực hiện

Là doanh thu chưa thực hiện về cung cấp dịch vụ Internet cho khách hàng theo hợp đồng số 10.(DNG8b-DC) giữa Công ty và Ban Quản lý dự án Phát triển Công nghệ thông tin và Truyền thông tại Thành phố Đà Nẵng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU**

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,  
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.18. Phải trả ngắn hạn khác**

|                                   | Tại ngày<br>31/12/2018<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2018<br>VND |
|-----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Kinh phí công đoàn                | 1.016.377.118                 | 974.713.234                   |
| Cổ tức, lợi nhuận phải trả        | 2.282.892.650                 | 1.240.188.775                 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 824.096.605                   | 5.099.352.655                 |
| <b>Cộng</b>                       | <b>4.123.366.373</b>          | <b>7.314.254.664</b>          |

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU**

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.19. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

| Ngắn hạn:                  | Tại ngày 01/01/2018    |                        | Trong năm              |                        | Tại ngày 31/12/2018    |                        |
|----------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|                            | Giá trị                | Số có khả năng trả nợ  | Tăng                   | Giảm                   | Giá trị                | Số có khả năng trả nợ  |
| Vay ngân hàng              | 258.099.836.486        | 258.099.836.486        | 677.192.622.720        | 645.459.928.839        | 289.832.530.367        | 289.832.530.367        |
| Vay đối tượng khác         | 2.000.000.000          | 2.000.000.000          | 18.500.000.000         | 20.500.000.000         | -                      | -                      |
| Vay dài hạn đến hạn trả    | 3.881.057.424          | 3.881.057.424          | 3.109.234.312          | 3.881.057.424          | 3.109.234.312          | 3.109.234.312          |
| <b>Cộng</b>                | <b>263.980.893.910</b> | <b>263.980.893.910</b> | <b>698.801.857.032</b> | <b>669.840.986.263</b> | <b>292.941.764.679</b> | <b>292.941.764.679</b> |
| Dài hạn:                   |                        |                        |                        |                        |                        |                        |
| Nợ thuê tài chính          | 7.839.499.083          | 7.839.499.083          | 6.095.962.643          | 6.821.714.846          | 7.113.746.880          | 7.113.746.880          |
| Trừ nợ dài hạn đến hạn trả | (3.881.057.424)        | (3.881.057.424)        | (3.109.234.312)        | (3.881.057.424)        | (3.109.234.312)        | (3.109.234.312)        |
| <b>Cộng</b>                | <b>3.958.441.659</b>   | <b>3.958.441.659</b>   | <b>2.986.728.331</b>   | <b>2.940.657.422</b>   | <b>4.004.512.568</b>   | <b>4.004.512.568</b>   |
| <b>Tổng cộng</b>           | <b>267.939.335.569</b> | <b>267.939.335.569</b> | <b>701.788.585.363</b> | <b>672.781.643.685</b> | <b>296.946.277.247</b> | <b>296.946.277.247</b> |

Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn chịu lãi suất từ 5,8%/năm đến 8%/năm đối với VND. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Công trình xây dựng văn phòng, tài sản hình thành từ vốn vay và hệ thống máy chủ và thiết bị mạng và Quyền sử dụng đất thuê tại lô số U14b-16A, đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại lần lượt là 8.784.950.380 đồng và 7.940.892.634 đồng – Xem thêm mục 4.7 và mục 4.11;
- Quyền đòi nợ đã hình thành từ các hợp đồng kinh tế giữa Công ty và khách hàng;
- Hàng hóa, khoản phải thu, hợp đồng tiền gửi, sổ tiết kiệm, sổ tiền ký quỹ, tài sản hình thành từ vốn vay;
- Sổ tiền ký quỹ, tài sản hình thành từ phương án vay, các khoản phải thu hình thành từ phương án vay.

Nợ thuê tài chính dài hạn là các khoản vay theo hợp đồng thuê tài chính với Công ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam có thời hạn 3 năm, lãi suất 7,5%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU**

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.20. Vốn chủ sở hữu****4.20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|  | Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu |                                 |   | Cộng<br>VND            |
|--|------------------------------------|---------------------------------|---|------------------------|
|  | Vốn góp của chủ<br>sở hữu<br>VND   | Quý đầu tư phát<br>triển<br>VND | Lợi nhuận sau thuế<br>chưa phân phối<br>VND |                        |
| Tại ngày 01/01/2018                        | 84.879.070.000                     | 613.725.739                     | 21.914.250.334                              | 107.407.046.073        |
| Tăng vốn trong năm nay                     | 5.120.930.000                      | -                               | -   | 5.120.930.000          |
| Lãi trong năm nay                          | -                                  | -                               | 23.549.959.421                              | 23.549.959.421         |
| Chia cổ tức                                | -                                  | -                               | (15.278.150.500)                            | (15.278.150.500)       |
| Trích quỹ                                  | -                                  | 400.000.000                     | (400.000.000)                               | -                      |
| Giảm thuế TNDN phải nộp năm 2015, 2016 (*) | -                                  | -                               | 3.317.537.512                               | 3.317.537.512          |
| Tại ngày 01/01/2018                        | 90.000.000.000                     | 1.013.725.739                   | 33.103.596.767                              | 124.117.322.506        |
| Tăng vốn trong năm nay                     | 8.999.060.000                      | -                               | -   | 8.999.060.000          |
| Lãi trong năm nay                          | -                                  | -                               | 12.179.477.688                              | 12.179.477.688         |
| Chia cổ tức                                | -                                  | -                               | (17.999.060.000)                            | (17.999.060.000)       |
| Trích quỹ                                  | -                                  | 3.000.000.000                   | (3.000.000.000)                             | -                      |
| Sử dụng quỹ                                | -                                  | (573.585.969)                   | -   | (573.585.969)          |
| <b>Tại ngày 31/12/2018</b>                 | <b>98.999.060.000</b>              | <b>3.440.139.770</b>            | <b>24.284.014.455</b>                       | <b>126.723.214.225</b> |

Trong năm, Công ty phát hành thêm cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 03/NQ-ĐHCD-2018 và 08/NQ-ĐHCD-2018 ngày 24 tháng 04 năm 2018. Theo đó, Công ty đã chi trả cổ tức đợt 2 năm 2017 bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ với số tiền là 8.999.060.000 đồng (tương đương 899.906 cổ phiếu) với mục đích bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty. Việc phát hành cổ phiếu này đã được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xác nhận kết quả phát hành vào ngày 10 tháng 08 năm 2018.

(\*) Ngày 23 tháng 12 năm 2016, Công ty nhận được công văn trả lời số 12630/CT-TTHT của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc ưu đãi thuế TNDN kê từ kỳ tính thuế năm 2015. Theo đó, Công ty được hoàn nhập số thuế TNDN đã nộp tương ứng cho năm tài chính 2015 và 2016 đã nộp thừa với số tiền là 3.317.537.512 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.20.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

|                      | Tại ngày<br>31/12/2018<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2018<br>VND |
|----------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Ông Nguyễn Đức Quang | 18.878.930.000                | 17.162.670.000                |
| Cổ đông khác         | 80.120.130.000                | 72.837.330.000                |
| <b>Cộng</b>          | <b>98.999.060.000</b>         | <b>90.000.000.000</b>         |

**4.20.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

|                            | Tại ngày<br>31/12/2018<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2018<br>VND |
|----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu: |                               |                               |
| Vốn góp đầu năm            | 90.000.000.000                | 84.879.070.000                |
| Vốn góp tăng trong năm     | 8.999.060.000                 | 5.120.930.000                 |
| Vốn góp cuối năm           | 98.999.060.000                | 90.000.000.000                |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia  | 17.999.060.000                | 15.278.150.500                |

**4.20.4. Cổ phiếu**

|  | Tại ngày<br>31/12/2018 | Tại ngày<br>01/01/2018 |
|--|------------------------|------------------------|
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành    | 9.899.906              | 9.000.000              |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng | 9.899.906              | 9.000.000              |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành        | 9.899.906              | 9.000.000              |

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

**4.21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

|                    | Tại ngày<br>31/12/2018 | Tại ngày<br>01/01/2018 |
|--------------------|------------------------|------------------------|
| Ngoại tệ các loại: |                        |                        |
| USD                | 20.825,97              | 41.353,41              |

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU**

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|  | Năm 2018<br>VND        | Năm 2017<br>VND        |
|--|------------------------|------------------------|
| Doanh thu tích hợp hệ thống thiết bị công nghệ thông tin       | 627.105.515.857        | 774.563.033.533        |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ                                     | 236.805.702.038        | 127.183.457.062        |
| <b>Cộng</b>  | <b>863.911.217.895</b> | <b>901.746.490.595</b> |
| Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan – Xem thêm mục 7 | 266.566.351.330        | 91.337.839.849         |

**5.2. Giá vốn hàng bán**

|  | Năm 2018<br>VND        | Năm 2017<br>VND        |
|--|------------------------|------------------------|
| Giá vốn tích hợp hệ thống thiết bị công nghệ thông tin | 604.530.917.258        | 715.693.158.830        |
| Giá vốn dịch vụ đã cung cấp                            | 172.062.511.283        | 65.696.513.974         |
| <b>Cộng</b>  | <b>776.593.428.541</b> | <b>781.389.672.804</b> |

**5.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

|   | Năm 2018<br>VND      | Năm 2017<br>VND      |
|---|----------------------|----------------------|
| Lãi chênh lệch tỷ giá   | 232.123.953          | 250.933.493          |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 256.714.315          | 109.160.664          |
| Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay   | 2.911.488.223        | 1.808.511.650        |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia   | 6.440.583.900        | 4.426.667.000        |
| <b>Cộng</b>   | <b>9.840.910.391</b> | <b>6.595.272.807</b> |

**5.4. Chi phí tài chính**

|  | Năm 2018<br>VND       | Năm 2017<br>VND       |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Lãi tiền vay                                       | 19.496.707.791        | 15.819.034.593        |
| Lãi tiền vay từ các bên liên quan – Xem thêm mục 7 | 10.833.333            | 259.638.878           |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá                               | 1.189.138.074         | 471.732.286           |
| Dự phòng tổn thất đầu tư                           | 8.254.379.064         | 2.183.984.003         |
| <b>Cộng</b>  | <b>28.951.058.262</b> | <b>18.734.389.760</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.5. Chi phí bán hàng**

|                                  | Năm 2018<br>VND       | Năm 2017<br>VND       |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên                | 4.708.065.597         | 12.568.202.241        |
| Chi phí đồ dùng văn phòng        | 75.425.777            | 202.560.055           |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 132.484.032           | 6.355.784.950         |
| Chi phí bảo hành                 | 557.683.198           | 500.943.494           |
| Chi phí Pre – sales              | 839.891.183           | 1.829.094.697         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 2.245.070.595         | 2.666.191.065         |
| Chi phí bằng tiền khác           | 5.351.637.735         | 8.663.690.646         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>13.910.258.117</b> | <b>32.786.467.148</b> |

**5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|   | Năm 2018<br>VND       | Năm 2017<br>VND       |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý                   | 29.973.188.402        | 39.190.485.532        |
| Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng văn phòng | 1.866.078.381         | 1.953.137.757         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định            | 3.025.436.505         | 2.436.134.659         |
| Chi phí điện, nước, thuê mặt bằng           | 2.918.664.987         | 2.673.322.716         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài                   | 5.939.690.308         | 7.424.473.748         |
| Chi phí bằng tiền khác                      | 8.440.471.738         | 5.664.326.904         |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>52.163.530.321</b> | <b>59.341.881.316</b> |

**5.7. Thu nhập khác**

|                             | Năm 2018<br>VND       | Năm 2017<br>VND       |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Nhận hỗ trợ từ nhà cung cấp | 9.437.585.964         | 4.763.957.828         |
| Thu phạt hợp đồng           | -                     | 354.922.218           |
| Thu nhập khác               | 2.352.242.587         | 5.781.374.593         |
| <b>Cộng</b>                 | <b>11.789.828.551</b> | <b>10.900.254.639</b> |

**5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

|                                  | Năm 2018<br>VND        | Năm 2017<br>VND        |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí hàng hóa, nguyên liệu    | 597.845.154.949        | 713.521.128.442        |
| Chi phí nhân công                | 34.681.253.999         | 51.758.687.773         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 11.955.040.148         | 10.963.949.997         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 182.457.791.034        | 80.790.539.695         |
| Chi phí khác bằng tiền           | 15.727.976.849         | 16.483.715.362         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>842.667.216.979</b> | <b>873.518.021.269</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

|  | Năm 2018<br>VND    | Năm 2017<br>VND      |
|--|--------------------|----------------------|
| Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành                               | 340.292.986        | 2.402.350.929        |
| Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay | 172.473.579        | -                    |
| <b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>  | <b>512.766.565</b> | <b>2.402.350.929</b> |

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

|   | Năm 2018<br>VND    | Năm 2017<br>VND      |
|---|--------------------|----------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm  | 12.790.522.099     | 25.952.310.350       |
| Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng   | 456.147.751        | 1.026.328.857        |
| Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm  | (6.440.810.138)    | (4.484.507.841)      |
| Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh  | 6.805.859.712      | 22.494.131.366       |
| Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng ưu đãi – thuế suất 10%           | 6.805.859.712      | 20.964.753.447       |
| Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh không được hưởng ưu đãi – thuế suất 20%     | -                  | 1.529.377.919        |
| Chi phí thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh được hưởng ưu đãi – thuế suất 10%       | 680.585.972        | 2.096.475.345        |
| Chi phí thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh không được hưởng ưu đãi – thuế suất 20% | -                  | 305.875.584          |
| Trừ: Thuế TNDN được miễn giảm (50%) đối với doanh nghiệp Khoa Học Công Nghệ           | (340.292.986)      | -                    |
| <b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>                   | <b>340.292.986</b> | <b>2.402.350.929</b> |

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như:

- Chi phí không có hóa đơn chứng từ;
- Cổ tức được chia;
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản tiền, công nợ phải thu có gốc ngoại tệ.

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

|   | Năm 2018<br>VND | Năm 2017<br>VND |
|---|-----------------|-----------------|
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường | 701.788.585.363 | 622.923.019.777 |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,  
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

|  | Năm 2018<br>VND   | Năm 2017<br>VND   |
|--|-------------------|-------------------|
| Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường | (665.959.928.839) | (547.958.199.112) |

**7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

|   |                             |
|---|-----------------------------|
| 1. Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu            | Công ty con                 |
| 2. Công ty Cổ phần Công Nghệ Số Sao Bắc Đầu                 | Công ty con                 |
| 3. Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đầu           | Công ty con                 |
| 4. Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam           | Công ty con                 |
| 5. Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu          | Công ty con                 |
| 6. Công ty Cổ phần Công nghệ Cao Sao Bắc Đầu                | Công ty con                 |
| 7. Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Kỹ thuật Sao Bắc Đầu | Công ty con                 |
| 8. Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas                         | Công ty liên kết            |
| 9. Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT                     | Công ty liên kết            |
| 10. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH                    | Công ty liên kết            |
| 11. Công ty Cổ phần sách và Học liệu Điện tử Pharos         | Công ty liên kết            |
| 12. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc                  | Thành viên quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

|   | Tại ngày<br>31/12/2018<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2018<br>VND |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| <b>Phải thu khách hàng:</b>                     |                               |                               |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu   | 1.061.158.847                 | 154.687.794                   |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đầu  | 14.097.861.006                | 2.968.248.114                 |
| Công ty Cổ phần Công Nghệ Số Sao Bắc Đầu        | 9.692.474.085                 | 7.601.740.076                 |
| Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam  | 19.604.086.461                | 27.946.249.188                |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu | 63.709.631.314                | -                             |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Cao Sao Bắc Đầu       | 4.122.015.365                 | -                             |
| Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas                | 462.000.000                   | -                             |

**Cộng – Xem thêm mục 4.3**

**112.749.227.078**

**38.670.925.172**

**Trả trước cho người bán:**

|  | Tại ngày<br>31/12/2018<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2018<br>VND |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam | 28.773.481                    | 178.937.602                   |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu  | 18.106.124                    | -                             |
| Công ty Cổ phần Công Nghệ Số Sao Bắc Đầu       | 17.166.717                    | -                             |

**Cộng – Xem thêm mục 4.4**

**64.046.322**

**178.937.602**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

|   | Tại ngày<br>31/12/2018<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2018<br>VND |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Phải thu khác:  |                               |                               |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu                                 | 1.205.583.900                 | 766.667.000                   |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam                                | 3.965.000.000                 | 3.660.000.000                 |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu                               | 1.270.226.238                 | -                             |
| <b>Cộng – Xem thêm mục 4.5</b>  | <b>6.440.810.138</b>          | <b>4.426.667.000</b>          |
|   | Tại ngày<br>31/12/2018<br>VND | Tại ngày<br>01/01/2018<br>VND |
| Phải trả người bán:   |                               |                               |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đầu                                | (601.245.483)                 | (326.896.063)                 |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu                               | (7.651.058.243)               | -                             |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Cao Sao Bắc Đầu                                     | (3.449.703.640)               | -                             |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Kỹ thuật Sao Bắc Đầu                      | (584.346.109)                 | -                             |
| Công ty Cổ phần Công Nghệ Số Sao Bắc Đầu                                      | -                             | (7.766.906)                   |
| <b>Cộng – Xem thêm mục 4.12</b>   | <b>(12.286.353.475)</b>       | <b>(334.662.969)</b>          |
| Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau: |                               |                               |
|   | Năm 2018<br>VND               | Năm 2017<br>VND               |
| Bán hàng và cung cấp dịch vụ:   |                               |                               |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu                                 | 5.290.855.053                 | 1.226.564.558                 |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đầu                                | 14.902.228.367                | 2.987.683.807                 |
| Công ty Cổ phần Công Nghệ Số Sao Bắc Đầu                                      | 3.649.638.261                 | 3.437.713.448                 |
| Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam                                | 87.104.261.872                | 83.685.878.036                |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu                               | 132.902.121.046               | -                             |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Cao Sao Bắc Đầu                                     | 20.192.333.062                | -                             |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Kỹ thuật Sao Bắc Đầu                      | 2.104.913.669                 | -                             |
| Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas  | 420.000.000                   | -                             |
| <b>Cộng – Xem thêm mục 5.1</b>  | <b>266.566.351.330</b>        | <b>91.337.839.849</b>         |
|   | Năm 2018<br>VND               | Năm 2017<br>VND               |
| Bán tài sản và công cụ dụng cụ:   |                               |                               |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam                                | 2.727.273                     | -                             |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

|  | Năm 2018<br>VND       | Năm 2017<br>VND      |
|--|-----------------------|----------------------|
| <b>Mua hàng hóa và dịch vụ:</b>                          |                       |                      |
| Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam           | 8.309.482.153         | -                    |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu            | 371.131.339           | -                    |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đầu           | 599.397.162           | 461.640.033          |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu          | 12.641.020.840        | -                    |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Cao Sao Bắc Đầu                | 3.181.544.990         | 8.163.766.965        |
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Sao Bắc Đầu            | 2.851.701.588         | 175.089.813          |
| <b>Cộng</b>  | <b>27.954.278.072</b> | <b>8.800.496.811</b> |
| <b>Góp vốn:</b>  |                       |                      |
| Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Sao Bắc Đầu          | 9.000.000.000         | -                    |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Cao Sao Bắc Đầu                | 9.000.000.000         | -                    |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Kỹ thuật Sao Bắc Đầu | 5.000.000.000         | -                    |
| Công ty Cổ phần Công Nghệ Mideas                         | 2.400.000.000         | -                    |
| Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT                     | 1.960.000.000         | -                    |
| Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tin học CEH                     | 1.100.000.000         | -                    |
| Công ty Cổ phần sách và Học liệu Điện tử Pharos          | 400.000.000           | -                    |
| Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu Miền Nam           | -                     | 6.100.000.000        |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông Sao Bắc Đầu           | -                     | 3.000.000.000        |
| <b>Cộng</b>  | <b>28.860.000.000</b> | <b>9.100.000.000</b> |
| <b>Trả nợ gốc vay:</b>                                   |                       |                      |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu            | 2.000.000.000         | 2.000.000.000        |
| <b>Cộng</b>  | <b>2.000.000.000</b>  | <b>2.000.000.000</b> |
| <b>Chi phí lãi vay – Xem thêm mục 5.4:</b>               |                       |                      |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu            | 10.833.333            | 259.638.878          |

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có tài sản bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÁU**

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

|                     | <u>Năm 2018</u><br>VND | <u>Năm 2017</u><br>VND |
|---------------------|------------------------|------------------------|
| Thù lao và thu nhập | 6.308.558.770          | 7.136.322.530          |

**8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT**

|         | <u>Năm 2018</u><br>VND | <u>Năm 2017</u><br>VND |
|---------|------------------------|------------------------|
| Thù lao | 216.578.400            | 243.473.000            |

**9. CÁC NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI CHÍNH**

Công ty đang thuê một bộ phận riêng biệt của máy móc thiết bị với thời gian sử dụng ước tính 3 năm theo hợp đồng thuê tài chính với thời hạn 3 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai được chi tiết như sau:

| Thời hạn             | <u>Tại ngày</u><br><u>31/12/2018</u><br>VND | <u>Tại ngày</u><br><u>01/01/2018</u><br>VND |
|----------------------|---|---|
| Từ 1 năm trở xuống   | 3.109.234.312                               | 3.881.057.424                               |
| Trên 1 năm đến 5 năm | 4.004.512.568                               | 3.958.441.659                               |
| <b>Cộng</b>          | <b><u>7.113.746.880</u></b>                 | <b><u>7.839.499.083</u></b>                 |

**10. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Trích):

|   | <u>Năm 2017</u><br>VND<br>(Được báo cáo<br>lại) | <u>Năm 2017</u><br>VND<br>(Đã được báo cáo<br>trước đây) |
|---|---|--|
| Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác     | (9.100.000.000)                                 | (9.000.000.000)  |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 100.000.000                                     | -  |

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính hiện hành.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐÀU**

Địa chỉ: Lô U14b-16a, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông,  
Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

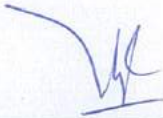
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

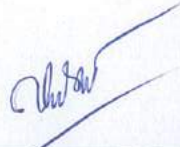
**11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



**Trần Anh Tuấn**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2019

  
**Bùi Thị Thúy Hồng**  
Kế toán trưởng

  
**Nguyễn Thị Thu Hiền**  
Người lập